

Số: 134/NQ-HĐKĐCLV

Nghệ An, ngày 24 tháng 6 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục**  
**Trường Đại học Nguyễn Tất Thành**

**HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

*Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục;*

*Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 26/6/2019 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh, nhiệm kỳ 2018-2023;*

*Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 27/9/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;*

*Căn cứ Hồ sơ tự đánh giá của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, Báo cáo Đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài;*

*Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp ngày 19/6/2022 của Hội đồng,*

**QUYẾT NGHỊ:**

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Nguyễn Tất Thành. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành đúng quy định hiện hành, độc lập, khách quan, công khai, minh bạch. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Nhà trường.

Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành cho thấy:

- Điểm trung bình lĩnh vực:

- |                                              |      |
|----------------------------------------------|------|
| + Đảm bảo chất lượng về chiến lược:          | 4,16 |
| + Đảm bảo chất lượng về hệ thống:            | 4,05 |
| + Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng: | 4,00 |
| + Kết quả hoạt động:                         | 4,04 |

- Không có tiêu chuẩn nào có điểm trung bình  $\leq 2,0$

(chi tiết trong Phụ lục I).



2. Kiến nghị Trường Đại học Nguyễn Tất Thành thực hiện 25 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong *Phụ lục 2*).

3. Căn cứ Điều 46, Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng công nhận và đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Đại học Nguyễn Tất Thành theo quy định hiện hành. 

**TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD  
CHỦ TỊCH**



**Trần Đình Quang**

## PHỤ LỤC 1

### Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

(Kèm theo Nghị quyết số 134/NQ-HĐKĐCLV ngày 24/6/2022 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh)

| Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn                                                              | Điểm trung bình |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| <b>Lĩnh vực 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược</b>                               | <b>4,16</b>     |
| Tiêu chuẩn 1: Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa                                        | 4,20            |
| Tiêu chuẩn 2: Quản trị                                                            | 4,25            |
| Tiêu chuẩn 3: Lãnh đạo và quản lý                                                 | 4,25            |
| Tiêu chuẩn 4: Quản trị chiến lược                                                 | 4,00            |
| Tiêu chuẩn 5: Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng | 4,00            |
| Tiêu chuẩn 6: Quản lý nguồn nhân lực                                              | 4,14            |
| Tiêu chuẩn 7: Quản lý tài chính và cơ sở vật chất                                 | 4,20            |
| Tiêu chuẩn 8: Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại                                  | 4,25            |
| <b>Lĩnh vực 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống</b>                                 | <b>4,05</b>     |
| Tiêu chuẩn 9: Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong                               | 4,00            |
| Tiêu chuẩn 10: Tự đánh giá và đánh giá ngoài                                      | 4,25            |
| Tiêu chuẩn 11: Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong                    | 3,75            |
| Tiêu chuẩn 12: Nâng cao chất lượng                                                | 4,20            |
| <b>Lĩnh vực 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng</b>                      | <b>4,00</b>     |
| Tiêu chuẩn 13: Tuyển sinh và nhập học                                             | 4,20            |
| Tiêu chuẩn 14: Thiết kế và rà soát chương trình dạy học                           | 3,80            |
| Tiêu chuẩn 15: Giảng dạy và học tập                                               | 4,00            |
| Tiêu chuẩn 16: Đánh giá người học                                                 | 3,75            |
| Tiêu chuẩn 17: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học                          | 4,25            |
| Tiêu chuẩn 18: Quản lý nghiên cứu khoa học                                        | 4,00            |
| Tiêu chuẩn 19: Quản lý tài sản trí tuệ                                            | 4,00            |
| Tiêu chuẩn 20: Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học                             | 4,00            |
| Tiêu chuẩn 21: Kết nối và phục vụ cộng đồng                                       | 4,00            |
| <b>Lĩnh vực 4. Kết quả hoạt động</b>                                              | <b>4,04</b>     |
| Tiêu chuẩn 22: Kết quả đào tạo                                                    | 4,00            |
| Tiêu chuẩn 23: Kết quả nghiên cứu khoa học                                        | 4,17            |
| Tiêu chuẩn 24: Kết quả phục vụ cộng đồng                                          | 4,00            |
| Tiêu chuẩn 25: Kết quả tài chính và thị trường                                    | 4,00            |



## PHỤ LỤC 2

### **Các kiến nghị cải tiến chất lượng giáo dục đối với Trường Đại học Nguyễn Tất Thành**

(Kèm theo Nghị quyết số 134/NQ-HĐKĐCLV ngày 24/6/2022 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh)

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Nguyễn Tất Thành giai đoạn 2017-2021 cho thấy, Nhà trường có những điểm mạnh đáng ghi nhận sau:

+ Đối với lĩnh vực *Đảm bảo chất lượng về chiến lược*, tầm nhìn và sứ mạng của Trường có qui trình xây dựng, được định kì rà soát tuyên bố chính thức trong văn bản Chiến lược phát triển, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Trường, với Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh và của cả nước; có các hình thức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi về sứ tầm nhìn, sứ mạng giá trị cốt lõi. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận của Trường được định kì rà soát, điều chỉnh phù hợp với định hướng Chiến lược phát triển, đáp ứng các yêu cầu của Luật Giáo dục đại học; các nghị quyết/quyết định/kết luận của lãnh đạo Trường và các tổ chức chính trị xã hội, các hội đồng tư vấn luôn được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn cụ thể. Cơ cấu quản lí của Trường và các văn bản qui định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lí được định kì rà soát; chức năng, nhiệm vụ của các phòng, khoa, đơn vị trực thuộc và mối quan hệ giữa Ban Giám hiệu với lãnh đạo các đơn vị được qui định cụ thể trong Qui chế tổ chức và hoạt động. Có qui trình xây dựng, triển khai và đánh giá việc thực hiện chiến lược và cải tiến quá trình lập kế hoạch chiến lược, ban hành qui định hướng dẫn xây dựng, triển khai, đánh giá và điều chỉnh Chiến lược phát triển do Phòng Đảm bảo chất lượng chủ trì; Chiến lược phát triển có các KPIs về các mục tiêu chiến lược. Có chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng cấp trường và tập huấn cho các đơn vị xây dựng các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng cấp đơn vị; hằng năm, các đơn vị báo cáo thực hiện mục tiêu chất lượng, điều chỉnh, cải tiến các chính sách. Định kì rà soát và phổ biến rộng rãi Chiến lược phát triển về nguồn nhân lực: chiến lược về nguồn nhân lực, qui định tuyển dụng, qui chế đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, tái bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, thôi giữ chức vụ... Có hệ thống quản lí tài chính và cơ sở vật chất hiệu quả, đảm bảo đáp ứng yêu cầu hoạt động một cách đồng bộ, khang trang, sạch sẽ, đảm bảo an toàn, tiện dụng đáp ứng ngày càng cao yêu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; có thư viện tại 3 cơ sở với đầy đủ giáo trình, sách và tài liệu tham khảo, hệ thống tài liệu và học liệu số đáp ứng yêu cầu giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Có hệ thống quản lí, lập kế hoạch và triển khai thực hiện các hoạt động phát triển đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại trong và ngoài nước phục vụ sứ mạng và mục tiêu phát triển của Trường, đặc biệt là mạng lưới 2000 doanh nghiệp, đội ngũ giảng viên doanh nhân, giảng viên thực hành từ doanh nghiệp, tham gia vào nghiên cứu khoa học.

+ Đối với lĩnh vực *Đảm bảo chất lượng về hệ thống*, công tác đảm bảo chất lượng được coi trọng, có qui chế đảm bảo chất lượng từ năm 2018, qui định cơ cấu tổ chức đảm bảo chất lượng, hoạt động Hội đồng đảm bảo chất lượng, chức năng và nhiệm vụ của phòng đảm bảo chất lượng, chức năng của Tổ đảm bảo chất lượng các đơn vị và nhiệm vụ của các chuyên viên phụ trách trực tiếp hoạt động đảm bảo chất lượng, có qui định/qui trình hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong; xây dựng chính sách chất lượng và mục tiêu chất lượng hàng năm, thiết lập các nhóm chỉ tiêu phần đầu chính và chỉ số thực hiện chính để đo lường và đánh giá kết quả công tác từ năm 2018. Thực hiện tự đánh giá cơ sở giáo dục 2 lần; kế hoạch tự đánh giá thể hiện rõ ràng, cụ thể mốc thời gian, nội dung, các nguồn lực để thực hiện; có xây dựng và ban hành kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục; thực hiện rà soát qui trình tự đánh giá và chuẩn bị cho đánh giá ngoài. Ban hành qui chế sử dụng, quản lý thư điện tử; cơ sở dữ liệu về hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong bên trong được lưu trữ theo từng lĩnh vực; có chính sách, chế độ, qui trình bảo mật và an toàn với hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong; có hệ thống quản lý, lưu trữ thông tin, minh chứng bằng phần mềm; chú trọng công tác lập kế hoạch cải tiến nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; đã ban qui định, qui trình về đối sánh chất lượng giáo dục năm 2020, bao gồm qui định, hướng dẫn về việc lựa chọn đối tác, các tiêu chí/nội dung để thực hiện so chuẩn và đối sánh chất lượng; đã thực hiện đối sánh.

+ Đối với lĩnh vực *Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng*, Trường có đề án, tiêu chí, phương án tuyển sinh rõ ràng, cập nhật hàng năm theo qui định; xây dựng và triển khai kế hoạch truyền thông về tuyển sinh theo từng khu vực khá bài bản trên nhiều phương tiện và nhiều kênh, phân công rõ ràng, tập huấn định kỳ; hoạt động tuyển sinh được giám sát, cải tiến, khắc phục các hạn chế. Có hệ thống văn bản về thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học và thực hiện rà soát, ban hành chuẩn đầu ra, bản mô tả chương trình đào tạo hàng năm, có tham khảo các chương trình đào tạo tiên tiến trong nước/quốc tế và lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan. Triết lý giáo dục thể hiện rõ nội dung và phương pháp giảng dạy; phù hợp với xu thế của giáo dục địa học hiện nay là chú trọng đến việc phát triển năng lực và sự thành công của người học; tạo dựng được môi trường học tập đa dạng thúc đẩy học tập thông qua trải nghiệm thực tế, hoạt động học tập trên lớp và ngoài lớp và hoạt động xã hội; nội dung, phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra, đánh giá được định kỳ rà soát, cải tiến; công tác biên soạn đề thi và ngân hàng đề thi trắc nghiệm được hướng dẫn cụ thể và có qui trình bảo mật đề thi; công tác tổ chức thi kết thúc học kỳ được thực hiện nghiêm túc. Triển khai nhiều hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học theo các kế hoạch công việc từ đầu vào đến đầu ra, hoạt động ươm tạo và khởi nghiệp sinh viên, nhất là công tác tư vấn, kết nối doanh nghiệp và giới thiệu việc làm. Công tác quản lý khoa học công nghệ được cải tiến nhiều trong giai đoạn đánh giá, làm tăng động cơ nghiên cứu của cán bộ, giảng viên qua các cơ chế hỗ trợ kinh phí, hành chính, đơn giản hóa thủ tục tài chính các đề tài cấp trường, thúc đẩy quan hệ hợp

tác nghiên cứu khoa học và các chính sách khen thưởng; xây dựng các KPIs về số lượng và loại hình nghiên cứu trong các mục tiêu chiến lược, sản lượng công bố khoa học đạt cao. Có chính sách về kết nối và phục vụ cộng đồng thể hiện trong Chiến lược phát triển, Qui định về hoạt động phục vụ cộng đồng, qui định rõ ràng về cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát, kế hoạch hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của Trường; có đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, chính sách kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng; có hệ thống đo lường (KPIs) và triển khai có kết quả.

+ Đối với lĩnh vực *Kết quả hoạt động*, Có kế hoạch đào tạo theo khoá học, năm học và theo học kì; xác định tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỉ lệ có việc làm và được giám sát, thống kê theo năm học, đối sánh với 2 trường đại học khác. Có qui định cụ thể về nghĩa vụ và giờ chuẩn nghiên cứu khoa học, thực hiện thống kê về khoa học công nghệ hằng năm; có nhiều cải tiến để tăng số lượng và chất lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học; cải tiến các qui định, qui trình, tăng chỉ tiêu công bố quốc tế, mở rộng hợp tác trong nghiên cứu khoa học; số lượng công bố quốc tế tăng mạnh trong 3 năm vừa qua, nhiều giải thưởng về Đổi mới, sáng tạo và khởi nghiệp; có qui định về hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, spin-off, Trung tâm Sáng tạo và Ươm tạo khởi nghiệp (NIIC); có các lớp tập huấn, bồi dưỡng, hội thảo chia sẻ kinh nghiệm về nghiên cứu khoa học/sở hữu trí tuệ/trích dẫn... Có qui định cụ thể, triển khai thực hiện, giám sát, khảo sát sự hài lòng các bên liên quan về loại hình (như chuyển giao công nghệ, bồi dưỡng, đào tạo ngắn hạn, phổ biến kiến thức, tư vấn cho cộng đồng, các hoạt động thiện nguyện) và khối lượng, tác động xã hội của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng; thực hiện đối sánh và điều chỉnh, cải tiến về loại hình và khối lượng, tác động xã hội (bao gồm cả tác động đến cán bộ, giảng viên, sinh viên) của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng. Có qui định cụ thể và đạt được các kết quả, xác lập, giám sát và đối sánh các chỉ số tài chính và chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; các báo cáo chỉ số tài chính và thị trường hoạt động hàng năm rõ ràng ; đã thực hiện đối sánh về kết quả và các chỉ số tài chính, chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng và đã thực hiện rà soát, điều chỉnh kết quả và các chỉ số hằng năm; đã tham gia xếp hạng, gắn sao.

Tuy nhiên, Nhà trường vẫn còn những điểm cần cải tiến, nâng cao chất lượng (*chi tiết được nêu trong Báo cáo Đánh giá ngoài*). Hội đồng kiến nghị Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến liên tục chất lượng giáo dục theo các nhóm giải pháp sau:

+ Đối với lĩnh vực *Đảm bảo chất lượng về chiến lược*

1. Phân tích, đánh giá kết quả khảo sát các bên liên quan (bao gồm tổ chức xã hội-nghề nghiệp, đơn vị sử dụng sản phẩm đào tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, chuyển giao tri thức) để điều chỉnh mục tiêu, kế hoạch khi triển khai tầm nhìn, sứ mạng đảm bảo thể hiện được những cam kết trực tiếp mang đến cho người học; xác định các tiêu

chí phù hợp với trường đại học đa ngành, định hướng ứng dụng hàng đầu của Việt Nam, có năng lực hội nhập cao; lựa chọn một mô hình đại học định hướng ứng dụng tiên tiến cụ thể của châu Âu, châu Mỹ để đối sánh mục tiêu, tầm nhìn, sứ mạng; cần nhất quán giá trị “Đổi mới, Sáng tạo” là giá trị cốt lõi/truyền thống trong tất cả các văn bản chính thức của Trường.

2. Cập nhật hệ thống văn bản qui định về chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm của các đơn vị thuộc hệ thống quản trị đối với trách nhiệm giải trình và sự minh bạch; qui định mối quan hệ giữa các đơn vị quản lý văn bản theo từng lĩnh vực và đầu mối chung của Trường; nghiên cứu, đánh giá một cách bài bản về tính hiệu quả của các văn bản quản trị; giao đơn vị đầu mối tổ chức triển khai rà soát chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị một cách đầy đủ hơn, bao quát hơn toàn bộ cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, hoạt động, hệ thống văn bản ban hành; phân tích, rà soát đối sánh với yêu cầu thực hiện sứ mạng, tầm nhìn, các mục tiêu của chiến lược phát triển Trường. Hệ thống văn bản quản trị, trong đó có qui định chức năng, nhiệm vụ, qui chế hoạt động của Trường và các phòng ban, đơn vị trực thuộc cần sớm được cập nhật và khắc phục các bất cập, hạn chế.

3. Nghiên cứu kỹ hơn các điều khoản có liên quan trong Luật Giáo dục đại học, Nghị định qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học để xây dựng qui chế tổ chức và hoạt động phù hợp với định hướng phát triển và yêu cầu phát triển của Trường; giao nhiệm vụ truyền thông về sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi cho một đơn vị làm đầu mối để theo dõi, giám sát việc triển khai; xây dựng qui hoạch đội ngũ lãnh đạo, quản lý các đơn vị để cán bộ, viên chức chủ động phấn đấu và các đơn vị chủ động trong chương trình công tác; tạo ra kênh để thu thập thông tin về tính hợp lý, hiệu quả sau khi sáp nhập, chia tách các đơn vị hay sau khi sửa đổi, ban hành văn bản quản lý; khắc phục tình trạng kiêm nhiệm lãnh đạo của một số đơn vị.

4. Sau khi rà soát và sửa đổi, bổ sung hay ban hành lại văn bản, trong văn bản cần qui định điều khoản về hiệu lực thi hành, trong đó làm rõ việc thay thế hay bãi bỏ những văn bản nào; xây dựng kế hoạch công tác hằng năm mang tính tổng thể hơn, trong đó có các kế hoạch cụ thể của từng lĩnh vực để thuận lợi cho việc đối sánh nguồn lực, giám sát và đánh giá; hướng dẫn cụ thể về việc xây dựng kế hoạch và việc kiểm soát, giám sát thực hiện các kế hoạch của các đơn vị; khi tổng kết, đánh giá chiến lược phát triển, cần phân tích cụ thể nguyên nhân và tác động của các chỉ tiêu chưa hoàn thành đến tổng thể thực hiện chiến lược hay hệ thống KPIs của Trường để có các giải pháp phù hợp và khả thi; hướng dẫn cụ thể hơn về việc xây dựng kế hoạch tổng thể hoạt động của Trường và các kế hoạch của từng lĩnh vực, trong đó có hướng dẫn cụ thể việc đối sánh xây dựng và thực hiện kế hoạch để đề xuất các giải pháp phù hợp.

5. Tổ chức khảo sát rộng rãi hơn để đánh giá sự hài lòng của doanh nghiệp về các chính sách đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng hiệu quả hơn; nghiên cứu để tích hợp các nội dung có liên quan vào cùng một văn bản để dễ theo dõi và giám sát hơn

(như xây dựng văn bản về thanh tra bao gồm cả Quyết định số 658/QĐ-NTT ngày 30/9/2020 và Quyết định số 607/QĐ-NTT ngày 3/5/2021); tăng cường xử lý nghiêm các vi phạm đã được xác định trong quá trình giám sát, nhằm tăng hiệu lực của công tác thanh tra, giám sát.

6. Xác định các chỉ tiêu phát triển nguồn nhân lực trình độ cao (số lượng giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ) theo tiến trình phát triển qui mô, ngành nghề và trình độ đào tạo; xây dựng kế hoạch dài hạn về phát triển đội ngũ gắn với tiến trình phát triển chương trình đào tạo, trình độ đào tạo... của từng đơn vị; rà soát các qui định về tuyển dụng và bổ nhiệm để thống nhất với Khung năng lực cho từng vị trí việc làm, tương đồng với năng lực của các chức danh giảng viên theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tăng cường các khóa bồi dưỡng về kỹ năng xây dựng chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá để nâng cao kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên, đáp ứng yêu cầu về chuyển đổi số; tổ chức tổng kết và đánh giá toàn diện hoạt động đào tạo trực tuyến để có những cải tiến, điều chỉnh hợp lý.

7. Việc xây dựng và quản lý kế hoạch tài chính cho các hoạt động khoa học công nghệ cần thể hiện rõ hơn sứ mạng là đại học định hướng ứng dụng; điều chỉnh việc lập kế hoạch theo năm tài chính; tăng cường đầu tư cho hạ tầng, trang thiết bị và phần mềm công nghệ thông tin, hoàn thiện cơ sở dữ liệu thông tin tổng thể, quản trị rủi ro và đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số; thường xuyên cập nhật nguồn học liệu và nâng cấp thiết bị hỗ trợ cho thư viện để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người học; cần có chiến lược tập trung cơ sở đào tạo/cơ sở vật chất, cần phân công rõ đơn vị đầu mối quản lý về các vấn đề an toàn và môi trường, bổ sung các qui định/hướng dẫn về an toàn hóa chất và quản lý chất thải nguy hại, định kỳ đánh giá chất lượng nước thải phòng thí nghiệm/phòng khám đa khoa theo qui định.

8. Cần ban hành qui định chính thức về hoạt động đối ngoại trong nước, trong đó cần hướng dẫn việc lựa chọn các đối tác phù hợp với việc thực hiện sứ mạng, tầm nhìn của Trường trong giai đoạn mới; rà soát qui chế tổ chức và hoạt động và tăng cường quản lý hoạt động của Văn phòng đại diện của Trường ở Phnom Penh; xây dựng cơ sở dữ liệu các mạng lưới đối tác, lấy ý kiến các đơn vị trong trường đánh giá đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để có biện pháp cải tiến phù hợp, đồng thời có giải pháp để thúc đẩy các đơn vị đào tạo tích cực chủ động phát triển các đối tác và thiết lập các quan hệ hợp tác thực chất, hiệu quả theo lĩnh vực ngành nghề đào tạo, lĩnh vực nghiên cứu.

+ Đối với lĩnh vực *Đảm bảo chất lượng về hệ thống*

9. Rà soát, phân tích và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu chiến lược hằng năm để chuyển tải các mục tiêu chiến lược chưa và đang thực hiện cho những năm tiếp theo; cần tiến hành đánh giá giai đoạn thực hiện mục tiêu chiến lược (5 năm) để xem xét mức độ đáp ứng của mục tiêu chiến lược so với chiến lược đảm bảo chất lượng và chiến lược phát triển Trường; xây dựng và hoàn thiện kế hoạch chiến lược đảm bảo chất lượng hằng năm và giai

vi

ĐÀO  
TẠO  
HỌC  
SINH  
DỤC

đoạn 5 năm dựa trên chiến lược phát triển Trường; tiến hành phân tích, đánh giá mức độ đáp ứng của chính sách chất lượng đã ban hành.

10. Các kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho hoạt động đánh giá ngoài cần được thể hiện trong kế hoạch đảm bảo chất lượng hằng năm và trong chiến lược đảm bảo chất lượng trung hạn; bổ sung và hoàn thiện kế hoạch dài hạn đào tạo nhân sự đảm bảo chất lượng để đảm bảo bền vững các hoạt động đảm bảo chất lượng trong hệ thống đảm bảo chất lượng ở cấp đơn vị và cấp cơ sở giáo dục; định kì tổ chức tổng kết và chia sẻ thực hành tốt về kết quả triển khai các hoạt động đảm bảo chất lượng.

11. Xây dựng, cải tiến các chính sách, qui trình và kế hoạch quản lí thông tin đảm bảo chất lượng nhằm đảm bảo việc thu thập, xử lí, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các đơn vị trong Trường phục vụ cho hoạt động đảm bảo chất lượng được đồng bộ theo hệ thống, xuyên suốt, đồng bộ dữ liệu quản lí ở cấp độ đơn vị đến cấp cơ sở giáo dục; triển khai rà soát dữ liệu và thông tin về đảm bảo chất lượng; khảo sát ý kiến của các bên liên quan về hệ thống quản lí thông tin đảm bảo chất lượng; sử dụng có hiệu quả thông tin đảm bảo chất lượng bên trong để hỗ trợ công tác ra quyết định.

12. Định kì kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch nâng cao chất lượng tại mỗi đơn vị/lĩnh vực; thực hiện tổng kết, đánh giá hằng năm, theo giai đoạn đối với hoạt động đảm bảo chất lượng; bổ sung và hoàn thiện các chính sách nhằm khuyến khích các đơn vị/cá nhân đổi mới, sáng tạo các hoạt động nâng cao chất lượng; thực hiện đối sánh chất lượng (về thực hiện chiến lược, chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng...) đạt hiệu quả hơn.

+ Đối với lĩnh vực *Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng*

13. Phân tích, so sánh hiệu quả sử dụng từng tiêu chí, hình thức thi tuyển, xét tuyển, tỉ lệ phân bổ chỉ tiêu, điểm chuẩn theo từng phương thức hằng năm để làm cơ sở ra quyết định cải tiến cụ thể; kết quả khảo sát sinh viên mới nhập học cần được sử dụng hiệu quả để cải tiến và có nhiều biện pháp đặc thù để nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh các ngành mới; cần có sự phối hợp chặt chẽ với các khoa để tư vấn chuyên sâu về ngành nghề và chuẩn đầu ra các ngành cho học sinh và phụ huynh có nhu cầu.

14. Tăng cường và nâng cao hiệu quả của hoạt động lấy ý kiến các bên liên quan (đặc biệt là nhà tuyển dụng) trong quá trình thiết kế, phát triển chương trình dạy học và xây dựng, rà soát, cập nhật đề cương học phần; bám sát hơn Khung trình độ Quốc gia khi rà soát mục tiêu và chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo đảm bảo các yêu cầu theo Thông tư 17/2021 và Thông tư 23/2021; đồng thời bổ sung, cập nhật bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương học phần để thể hiện được mối quan hệ giữa các học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, sự tương thích giữa phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá nhằm đạt chuẩn đầu ra.

15. Bổ sung các phương pháp dạy học phát huy tính chủ động tích cực của người học và tương thích với chuẩn đầu ra trong đề cương học phần (giải quyết vấn đề, nghiên cứu tình huống, dạy học dự án...); tăng cường tổ chức các hoạt động rèn luyện kĩ năng mềm, kĩ năng nghề nghiệp (hoạt động của câu lạc bộ, hội thi rèn nghề, trải nghiệm thực tế...);

thường xuyên tổ chức hội thảo, tập huấn về phương pháp dạy học tương thích chuẩn đầu ra; chú trọng giám sát các hoạt động dạy học trong đào tạo liên thông và đào tạo thạc sĩ; chú trọng xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm bảo đúng qui định cho tất cả các ngành mới đào tạo.

16. Tổ chức tập huấn, hướng dẫn giảng viên trong lựa chọn phương pháp đánh giá và thiết kế công cụ kiểm tra đánh giá để đạt chuẩn đầu ra thường xuyên hơn; định kì (1 lần/năm) rà soát và triển khai đánh giá các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học, phân tích kết quả thi, kiểm tra của tất cả các chương trình đào tạo (cả trình độ đại học và trình độ thạc sĩ) nhằm đánh giá mức độ phù hợp của phương pháp kiểm tra, đánh giá với chuẩn đầu ra; đa dạng hoá phương pháp đánh giá, tăng cường sự tham gia đào tạo và đánh giá người học của doanh nghiệp, đặc biệt là các học phần thực hành, thực tập.

17. Cải tiến các bộ tiêu chí đánh giá và các phiếu khảo sát mức hài lòng của người học về đội ngũ nhân viên hỗ trợ; phối hợp hiệu quả giữa Phòng Công tác sinh viên, Phòng Quản lí đào tạo, các Cố vấn học tập, cán bộ phụ trách công tác sinh viên của các khoa, thư kí/giáo vụ khoa, ban cán sự lớp và ban chủ nhiệm khoa để sớm phát hiện và tìm hiểu nguyên nhân người học bỏ học, học lại, tốt nghiệp trễ hạn... xác định rõ chỉ tiêu phấn đấu hay mức cải thiện cho từng hoạt động hỗ trợ và phục vụ người học, cụ thể hóa các KPIs mục tiêu chất lượng về công tác sinh viên, các mẫu phiếu và hình thức khảo sát phản hồi của người học về các dịch vụ hỗ trợ cần được cải tiến.

18. Làm rõ hơn cơ chế phối hợp của Phòng Khoa học công nghệ với các khoa để đốc thúc, giám sát hoạt động nghiên cứu khoa học, văn bản hóa qui trình giám sát tiến độ thực hiện đề tài các loại và đánh giá giữa kì; cơ chế đặc thù nhằm khuyến khích giảng viên và người học tham gia thực hiện và cộng tác các hoạt động khoa học công nghệ thuộc khối ngành khoa học xã hội, liên ngành, kinh tế; xây dựng các chỉ tiêu thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học hằng năm đối với từng cán bộ, giảng viên; chất lượng công cụ và hiệu quả sử dụng các dữ liệu/kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động nghiên cứu khoa học cần được đánh giá và cải thiện thường xuyên.

19. Rà soát và điều chỉnh qui định về tài sản trí tuệ để tránh những rủi ro và xung đột về quyền sở hữu trí tuệ; xây dựng, số hóa cơ sở dữ liệu về tài sản trí tuệ và có phần mềm để thuận tiện quản lí, tra cứu và truy xuất dữ liệu; thúc đẩy việc khai thác tài sản trí tuệ tạo ra sản phẩm ứng dụng phục vụ nhu cầu thực tiễn.

20. Xây dựng các KPIs và có kế hoạch thực hiện về số đề tài/dự án khoa học công nghệ hợp tác/đối tác với doanh nghiệp, số dự án sản xuất thử nghiệm, thương mại hóa sản phẩm khoa học công nghệ, tỉ lệ thu từ khoa học công nghệ để thực hiện sứ mạng đã tuyên bố là trường đại học định hướng ứng dụng; nên xây dựng kế hoạch khoa học công nghệ theo năm tài chính; tăng cường hiệu quả việc triển khai thực hiện các nội dung MoU/MoA với các đối tác nước ngoài, tăng cường hợp tác với doanh nghiệp trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, từng bước nâng cao tỉ lệ đầu tư của đối tác trong hợp tác nghiên cứu; kiểm soát quyền sở hữu trí tuệ và phòng ngừa việc lợi dụng chính sách khen thưởng và hỗ trợ công bố quốc tế.

21. Rà soát, xác định các hoạt động phục vụ cộng đồng phù hợp hơn với yêu cầu của sứ mạng một trường đại học; xây dựng hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và phục

vụ cộng đồng một cách đầy đủ, toàn diện hơn và tăng nguồn lực thu nhận được từ các hoạt động dịch vụ và chuyển giao công nghệ; rà soát Qui định về hoạt động phục vụ cộng đồng và nên có bộ phận/đơn vị chuyên trách riêng để việc xây dựng chiến lược, kế hoạch tổng thể, triển khai, theo dõi, giám sát, báo cáo các hoạt động phục vụ cộng đồng một cách thống nhất, đồng bộ và đạt hiệu quả cao hơn; xây dựng hệ thống các chỉ số KPI và chỉ tiêu thực hiện một cách đầy đủ, toàn diện hơn về công tác phục vụ cộng đồng; thực hiện việc khảo sát ý kiến các bên liên quan (cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học) về hoạt động phục vụ cộng đồng.

+ Đối với *Kết quả hoạt động*

22. Đối sánh và phân tích đầy đủ nguyên nhân để đưa ra các giải pháp khả thi để tăng về tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ có việc làm, giảm thời gian tốt nghiệp trung bình và tỉ lệ sinh viên thôi học, thi lại, học lại; nâng cao hiệu quả việc khảo sát các bên liên quan (nhất là nhà tuyển dụng và cựu sinh viên) về chất lượng sinh viên tốt nghiệp của tất cả các ngành đào tạo; chú trọng cải tiến công cụ khảo sát và phương pháp thu thập, xử lý thông tin; phân tích và đưa ra các giải pháp cải tiến chất lượng sau khi đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng sinh viên sau tốt nghiệp; điều chỉnh khối lượng học tập và có kế hoạch đào tạo hợp lý để giảm áp lực học cho sinh viên.

23. Thống kê, đối sánh về qui đổi điểm/kết quả nghiên cứu theo các kết quả nghiệm thu và đối sánh trong nước, quốc tế, tổ chức hội nghị khoa học dành cho sinh viên và học viên cao học; qui định/hướng dẫn cụ thể hơn về trích dẫn, đạo văn trong nghiên cứu khoa học, chú trọng tập huấn việc sử dụng và phổ biến rộng rãi cho giảng viên và người học về trích dẫn và đạo văn; chi tiết hóa kế hoạch cải tiến chất lượng căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ của Trường, tăng cường việc đối sánh về số lượng các công trình khoa học theo chỉ số trích dẫn, loại hình (viết giáo trình còn hạn chế); tăng hiệu quả việc lấy ý kiến về Qui chế cho tiêu nội bộ đối với khoa học công nghệ.

24. Thực hiện đối sánh về loại hình và khối lượng tham gia, đánh giá tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng một cách toàn diện và thường xuyên hơn; tổ chức đơn vị/bộ phận chuyên trách về phục vụ cộng đồng với chức năng, nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng đảm bảo tính hệ thống, toàn diện nhằm tăng hiệu quả hoạt động quản lý, việc đánh giá tác động của công tác phục vụ cộng đồng; phân công nhiệm vụ khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội tập trung vào một đầu mối để thu thập thông tin phản hồi về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên một cách toàn diện và định kì hơn.

25. Ban hành văn bản qui định về thiết lập hệ thống đối sánh tổng thể và triển khai đầy đủ nội dung và qui mô đối sánh kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng với các cơ sở giáo dục đại học trong nước và quốc tế; rà soát các qui định, qui trình, phương pháp, công cụ thu thập thông tin phản hồi

các bên liên quan nhằm đề cập đầy đủ các đối tượng trong và ngoài trường; chỉ số tài chính chỉ cho hoạt động khoa học công nghệ và các hoạt động khác (phục vụ cộng đồng) cần tỉ lệ thuận với tổng nguồn thu tài chính hợp pháp theo Nghị định 99/2014; hoàn thiện cơ sở dữ liệu đánh giá về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng trên cơ sở tích hợp các chỉ tiêu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng với chỉ tiêu tài chính; kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động chỉ số thị trường cần được tổng hợp, phân tích ý kiến phản hồi đầy đủ của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số thị trường, đặc biệt là nhà tuyển dụng, các tổ chức xã hội- nghề nghiệp.

\* \* \*

Trên đây là những nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kĩ Báo cáo Đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch và những giải pháp cụ thể cho việc thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục.

Sau nửa chu kì kiểm định chất lượng giáo dục, vào thời điểm 2,5 năm (tháng 12/2024) sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh./.

